

Bản án số: 544/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 14/6/2018

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Phước Lý

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Thảo

2. Ông Nguyễn Bảo Lâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Hiền- Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh- Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 888/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2018/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 124/2018/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Văn H, địa chỉ: Đường V, Phường E, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Bà Trần Thị B, địa chỉ: Đường V, Phường E, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 31/8/2017 và lời khai của nguyên đơn ông Lê Văn H trình bày:

Tôi và bà Trần Thị B tự nguyện tìm hiểu, chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường E, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 64, Quyền số 1 ngày 05/4/2006.

Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bà B có quan hệ tình cảm với người khác đã bỏ đi đâu không rõ từ năm 2010. Ngày 07/4/2017, Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên bố mất tích đối với bà B (Quyết định số 150/2017/QĐDS-ST).

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không còn khả năng hàn gắn, yêu cầu được ly hôn bà B.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Tiến D, sinh ngày 07/5/2007. Tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu bà B cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn ông Lê Văn H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn với bị đơn bà Trần Thị B.

Bị đơn bà Trần Thị B vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án thì Thẩm Phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đều đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông Lê Văn H khởi kiện yêu cầu xin ly hôn bà Trần Thị B có nơi cư trú cuối cùng tại quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông H thuộc Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn bà Trần Thị B vẫn không có mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 64, Quyền số 1 ngày 05/4/2006 của Ủy ban nhân dân Phường E, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, thể hiện quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà B là hợp pháp.

Tại Quyết định số 150/2017/QĐDS-ST ngày 07/4/2017, Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên bố bà Trần Thị B mất tích kể từ ngày 01/01/2013.

Khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “*Trong trường hợp vợ hoặc chồng của người bị Tòa án tuyên bố mất tích yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn*”.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Lê Văn H chấm dứt quan hệ hôn nhân của các đương sự.

[2.2] Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Tiến D, sinh ngày 07/5/2007.

Xét yêu cầu của ông H đối với con chung: Trẻ Lê Tiến D do ông H là người đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục từ năm 2010 cho đến nay. Do đó vì lợi ích và đảm bảo sự phát triển ổn định của trẻ, nên đối với yêu cầu được quyền nuôi con của ông H là có cơ sở nên chấp nhận. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho bà B do ông H không có yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Theo khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 40; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn H về việc “Ly hôn”.

1.1/. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn H được ly hôn với bà Trần Thị B.

1.2/. Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Tiến D, sinh ngày 07/5/2007.

- Ông H được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến tuổi thành niên.

- Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho bà B do ông H không có yêu cầu.

- Bà B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.3/. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

2/. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Lê Văn H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*), được trừ vào tạm ứng án phí do ông H đã nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai số 0006840 ngày 19/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T. Ông H đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3/. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ông H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà B được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.T;
- Chi cục THADS Q.T;
- UBND P.E, Q.T, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Phước Lý